

TỈNH ỦY QUẢNG NINH
TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ
NGUYỄN VĂN CỪ

*

Số 190 - TB/TĐTCB

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 1 năm 2026.

- Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước,

Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 1 năm 2026 (*chi tiết theo mẫu biểu đính kèm*).

Thông báo công khai được đăng trên Cổng thông tin điện tử của nhà trường theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 15 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (*để báo cáo*),
- Các phòng, khoa, trung tâm (*để thực hiện*),
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Đơn vị: Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ			Mẫu biểu số 75		
Chương: 599					
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2026					
(Kèm theo Thông báo số 190-TB/TĐTCB ngày 10/4/2026)					
				Đơn vị: Triệu đồng	
STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (Tỷ lệ %)	Ước thực hiện/so với cùng kỳ năm trước (Tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
I	Số thu sự nghiệp				
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang	2.826	2.826		
2	Số thu trong năm	10.000	2.775	28%	107%
II	Chi từ nguồn thu được để lại (bao gồm số chi từ nguồn thu năm trước chuyển sang)	12.826	2.809	22%	131%
1	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng (NĐ111/2021)		53		148%
2	Phụ cấp lương (bao gồm tiền dạy thêm, làm thêm giờ)		380		196%
3	Tiền thưởng (bao gồm chế độ tiền thưởng NĐ73/2024)		314		
4	Các khoản đóng góp				
5	Thanh toán dịch vụ công cộng		120		98%
6	Vật tư văn phòng		83		57%
7	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		20		77%
8	Công tác phí (bao gồm khoán ăn, đi lại của giảng viên)		283		403%
9	Chi phí thuê mướn (bao gồm tiền công hợp đồng dài hạn, thời vụ)		246		76%
10	Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		53		93%
11	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		1.109		106%
12	Chi khác		146		159%
III	Số nộp ngân sách nhà nước	200	56	28%	107%
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	200	56	28%	107%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.825	3.263	33%	87%
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.825	3.263	33%	87%
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	9.825	3.263	33%	98%
1.1	Tiền lương		1.893		98%
1.2	Phụ cấp lương		900		101%
1.3	Các khoản đóng góp		376		78%
1.4	Thanh toán dịch vụ công cộng		37		
1.5	Vật tư văn phòng		27		
1.6	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		7		
1.7	Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		7		
1.8	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp		15		100%
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.100	444	5%	103%
2.1	Các khoản đóng góp (HDLĐ điện, nước)		-		0%
2.2	Thanh toán dịch vụ công cộng		48		48%
2.3	Vật tư văn phòng		42		30%
2.4	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		39		190%
2.5	Hội nghị		2		
2.6	Công tác phí		11		52%
2.7	Chi phí thuê mướn		146		410%
2.8	Sửa chữa, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		20		29%
2.9	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		92		1123%
2.10	Chi khác		43		160%
II	Nguồn vốn viện trợ	-	-		
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	-	-		

